

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày: 18/6/2024

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trường Thống
- Ông Đặng Hoàng Mơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024 và ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận và điểm cầu V, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐ-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M (M1), sinh năm 1976 và ông Đỗ Văn C, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Diệp Thị L trình bày:

Ngày 16/12/2020 âm lịch bà có hỏi tiền của bà D 40.000.000 đồng nhưng sau đó bà lấy số tiền 20.000.000 đồng cho bà M vay, thỏa thuận 1.000.000 đồng nợ gốc tính lãi là 50.000đ/tháng, tức là 20.000.000 đồng nợ gốc thì lãi suất là

1.000.000đ/tháng. Trong biên nhận không thỏa thuận thời hạn trả nhưng có thỏa thuận bên ngoài là khi nào bà D đòi tiền thì bà thỏa thuận là cho bà M hay trước 01 tháng để lấy tiền. Bà M đã đóng lãi từ ngày 16/01/2020 (al) đến ngày 16/7/2023 (al) mỗi tháng là đóng 1.000.000 đồng tiền lãi. Cụ thể: bà L đã nhận tiền mặt của bà M đóng lãi là 02 tháng (tức là tháng 01/2021 và tháng 02/2021) mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tổng cộng 02 tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 3/2021 (al) trở về sau mỗi tháng tiền lãi 1.000.000 đồng là trừ qua tiền nợ hui. Cán trừ tiền lãi 1.000.000 đồng lãi vay cho trả nợ dây hui 2.000.000 đồng không biết rõ mở ngày tháng nào nhưng chỉ nhớ là năm 2020 do bà ní của bà M làm chủ hui bà không biết tên, rắc hui với nhau đến 15/7/2023 (al). Giữa bà và bà M đã rắc tiền hui với nhau không còn thiếu tiền hui nữa của dây hui mà bà ní của bà M làm chủ hui của dây hui 2.000.000 đồng. Việc rắc hui là để cán trừ tiền lãi cho bà M chứ không có trừ vào tiền gốc, đã cán trừ lãi đến ngày 16/7/2023.

Bà L xác định trước khi có biên nhận ngày 16/12/2020 thì bà có cho bà M vay 04 lần nữa, lần 1 đưa số tiền 10.000.000 đồng cho bà M (nguồn tiền bà hỏi của bà dì 5 Mun ở ấp K), lần 2 đưa số tiền 10.000.000 đồng cho bà M (nguồn tiền hỏi của của dì 2 Bê ở ấp K); lần 3 đưa số tiền 20.000.000 đồng cho bà M (nguồn tiền bà hỏi của bà 5 Chiều ở ấp K); lần 4 đưa thêm là 5.000.000 đồng cho bà M (nguồn tiền hỏi của của bà 6 Cẩm ở ấp K) và lần cuối cùng là ngày 16/12/2020 al bà đưa số tiền là 20.000.000 đồng cho bà M (nguồn tiền bà hỏi của bà 3 Dung ở ấp B), các lần (04 lần) bà đưa tiền cho bà M đều trong năm 2020 nhưng không nhớ chính xác ngày tháng nào vì khi bà M trả xong nợ 04 lần vay đó bà đã đưa lại biên nhận gốc cho bà M. Tổng cộng vay 5 lần là 65.000.000 đồng nhưng 04 lần vay trước bà M đã trả xong số tiền 45.000.000 đồng, chỉ còn lần cuối cùng của biên nhận vay ngày 16/12/2020 al số tiền 20.000.000 đồng bà M chưa trả nên vẫn còn biên nhận. Phần tiền 20.500.000 đồng bà M không có đưa cho bà mà do bà Trịnh Thị N (thông gia của bà) đưa cho bà có nói là bà M nhờ trả tiền cho số tiền 20.000.000 đồng của lần mượn tiền thứ 3 số tiền 20.000.000 đồng (nguồn tiền bà hỏi của bà 5 Chiều ở ấp K). Bà xác định là không có nhận số tiền 20.500.000 đồng của bà M đưa trả nợ tại nhà bà ở ấp K, xã V. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà M và ông C trả số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Từ trước đến nay vợ chồng ông bà chỉ vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 16/12/2020 al. Việc bà L trình bày có cho vay thêm 04 lần trước

đó (Lần 1 đưa 10.000.000 đồng, lần 2 đưa 10.000.000 đồng; lần 3 đưa 20.000.000 đồng; lần 4 đưa là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 45.000.000 đồng) là không có vay và cũng không có trả, cũng không có lấy lại biên nhận gì hết. Khoản nợ vay số tiền 20.000.000 đồng ngày 16/12/2020 (al) thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng. Việc đóng lãi cản trừ tiền hụi mỗi tháng 1.000.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng bà M chơi dùm bà L ngày 16/3/2021, có 36 người chơi do bà Huỳnh K (vợ ông Ú) làm chủ hụi, việc cản trừ lãi vay đến ngày 04/02/2023 (al) là vợ chồng ông bà đã nộp xong tiền lãi và nợ gốc vì ngày 04/02/2023 al bị đơn bà M có đem lên nhà bà L tại ấp K, xã V để trả số tiền 20.500.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000 đồng do tính lãi chỉ có hơn nửa tháng (khoảng 17 ngày) nên tính tròn tiền lãi số tiền là 500.000 đồng. Khi bà M đưa 20.500.000 đồng cho bà L trả nợ có sự chứng kiến của bà Phan Thị D1 và bà Phan Thị V (trú ở V), khi trả tiền do không có lấy biên nhận vì bà L nói mất giấy nợ nhưng bà M vẫn đưa tiền số tiền 20.500.000 đồng mà không có nhờ bà L viết biên nhận. Nay xác định đã trả xong cho bà L số tiền gốc 20.000.000 đồng, không còn nợ bà L, không đồng ý trả bà L số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà L về việc tranh chấp số tiền nợ vay đối với bị đơn vợ chồng bà M, ông C1 số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà L khởi kiện bị đơn bà M và ông C1 có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà L xác định bị đơn vợ chồng bà M, ông C1 có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết bị đơn bà M và ông C1 cho rằng đã trả cho bà L cả gốc và lãi là 20.500.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ là 01 biên nhận “giấy hỏi tiền của bà Nguyễn Thị M (Mung) ngày 16/12/2020”, căn cứ vào giấy hỏi nợ thể hiện nội dung xác nhận của bà M và ông C1 hỏi vay tiền của bà là 20.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Bị đơn bà M, ông C1 cho rằng ngày 04/02/2023 (al) bà đã trả số tiền 20.500.000 đồng (trong đó gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 500.000 đồng) cho bà L rồi tại nhà bà L có sự chứng kiến của bà V, bà D1. Ngoài ra, bà M, ông C1 còn xác định lúc Hoà giải tại trụ sở ấp K, xã V bà gửi đơn yêu cầu bà L ghi âm điện thoại phát lại để nói xấu bà nên yêu cầu xoá đoạn ghi âm, Ban lãnh đạo ấp K xác nhận cho bà trong đơn yêu cầu của bà có nội dung “số tiền đã trả rồi mà ghi âm của bà L vẫn chưa xoá cho bà M”. Nay ông bà không còn nợ gì với bà L.

Toà án đã lấy lời khai làm việc với bà Phạm Thị V1, bà Phan Thị D1 đều xác định họ không có chứng kiến việc bà M trả tiền cho bà L số tiền 20.500.000 đồng vào ngày 04/02/2023 (al), xác định không có cùng đi với bà M vào nhà bà L trả tiền gì hết. Đối với đoạn ghi âm bà L cung cấp nộp cho Toà án không có nội dung nào thể hiện số tiền vay 20.000.000 đồng bà M đã trả rồi cho bà L.

Toà án đã xác minh làm việc với ông Phan Minh T tại biên bản xác minh ngày 22/5/2024 xác định “....đoạn ghi âm bà L nộp cho Toà án (Toà án có mở cho ông nghe) thì ông không xác định được đoạn ghi âm đó có phải là đoạn ghi âm mà bà M gửi đơn yêu cầu ấp K buộc bà L xoá đoạn ghi âm không vì Ban lãnh đạo ấp kênh 11 có yêu cầu bà L mở đoạn ghi âm nhưng bà L không mở, do ông không có nghe được đoạn ghi âm.... nên ông chỉ căn cứ vào việc bà M nói số tiền đã trả rồi nên ông ghi xác nhận số tiền đã trả rồi mà ghi âm của bà L vẫn chưa xoá cho bà M trong khi đó bà L không có nói số tiền đã trả rồi hay chưa trả...Trong biên bản ngày 24/4/2023 ông không xác định được số tiền đã trả rồi là số tiền nào, trả cho biên nhận nào, mục đích buổi làm việc ngày 24/4/2023 là để hoà giải động viên bà L xoá đoạn ghi âm chứ không có hoà giải vụ tiền vay giữa bà L với bà M....”

Tại phiên toà, bị đơn vợ chồng bà M, ông C1 xác định đối với xác nhận của ông Phan Minh T xác nhận trong đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị M vào ngày 03/3/2023 al có nội dung “Số tiền đã trả rồi mà ghi âm của bà L vẫn chưa

xoá cho bà M. Thời điểm đó tôi đứng hoà giải tại trụ sở áp là đúng sự thật” là được ông T xác nhận vào ngày 24/4/2023. Đối với xác nhận của ông Phan Minh T trong đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị M đề ngày 03/3/2023 al có nội dung *“Số tiền đã trả rồi cho chị Diệp Thị L là vốn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn-tiền gốc) vào ngày 16/12/2020 âm lịch. Diệp Thị L thừa nhận mất giấy và có ký tên trong biên bản mà ghi âm của bà L không xoá”* là được ông C1 xác định ông là người đem đơn của bà M cho ông T nhờ xác nhận lại là được viết sau ngày Toà án mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày 08/5/2024 khoảng 02 đến 03 ngày do trong biên bản Hoà giải của áp kênh 11 vào ngày 24/4/2023 Thư ký ghi biên bản chung chung quá không có ghi số tiền nên nhờ ông T xác nhận lại cho rõ ràng.

Như vậy, việc ông C1 nhờ ông T xác nhận lại với nội dung số tiền đã trả rồi cho chị Diệp Thị L là vốn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn-tiền gốc) vào ngày 16/12/2020 âm lịch là chưa phù hợp với lời trình bày của ông T tại biên bản xác minh của Toà án vào ngày 22/5/2024 cụ thể là ông T không xác định được số tiền đã trả rồi là số tiền nào, trả cho biên nhận nào nên việc ông T xác nhận lại là theo sự yêu cầu của bên ông C1 đề nghị. Do đó, xác nhận của ông T về số tiền đã trả rồi cho chị Diệp Thị L là vốn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn-tiền gốc) vào ngày 16/12/2020 âm lịch không thể làm chứng cứ đánh giá xem xét có sự việc vợ chồng ông C1, bà M đã thanh toán nợ cho bà L.

Như vậy, về mặt pháp lý biên nhận nợ gốc số tiền 20.000.000 đồng bà M, ông C1 vay nay bà L vẫn còn quản lý đã giao nộp cho Toà án làm chứng cứ nên đã chứng minh được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng bị đơn vợ chồng bà M, ông C1 vẫn chưa thanh toán nợ nên nguyên đơn bà L không thể giao trả biên nhận. Việc bị đơn bà M và ông C1 cho rằng đã trả nợ xong nhưng không tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của bị đơn bà M và ông C1 không có cơ sở xem xét.

Việc bà M và ông C1 không thực hiện trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà M và ông C1 trả số tiền nợ còn thiếu là 20.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn bà M và ông C1 không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

Về ý kiến phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tại phiên toà là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn vợ chồng bà M và ông C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận. Tiền án phí là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003046 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn Nguyễn Thị M (M) và ông Đỗ Văn C. Buộc vợ chồng Nguyễn Thị M (M1) và ông Đỗ Văn C phải trả số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ khi nguyên đơn bà Diệp Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn C không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn vợ chồng bà M và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003046 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TÒA

- VKSND huyện Vĩnh Thuận;

- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;

- UBND xã Vĩnh Thuận;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Phụng